

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/DS - ST
Ngày: 24 - 4 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lưu Văn Đề;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST - DS ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/QĐST-DS, ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thiên N, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 8, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”;

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm 5, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, “vắng mặt”.

- Người làm chứng: Chị Đỗ Thị Q, sinh năm 1971; địa chỉ: xóm 1, xã H.H, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thiên N trình bày:

Do có quan hệ quen biết nhau và là người cùng xã nên ngày 06/02/2021 (âm lịch) chị N có cho Bà Nguyễn Thị T vay số tiền 300.000.000đồng, mục đích bà T vay để cho người khác vay lại. Việc vay tiền được thể hiện bằng giấy vay tiền do bà T tự viết và ký tên, chị N giữ giấy vay tiền. Hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay đến tháng 12 năm 2022, lãi suất là 1%/tháng. Bà T đã trả lãi cho chị N đến tháng 11/2022, việc trả lãi không có văn bản giấy tờ gì. Ngoài ra chị N còn tham gia hội tiền do Bà Nguyễn Thị T làm chủ, hội bắt đầu từ ngày 20/01/2021 (âm lịch), gồm 30 suất, mỗi suất góp 5.000.000đồng/tháng, góp vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, hội rút không theo thứ tự mà ai muốn rút thì báo bà T để bà T sắp xếp, người rút hội trước phải trả lãi là 1.000.000đồng/tháng/suất. Chị N tham gia 2 suất, mỗi tháng góp 10.000.000đồng, chị đã góp từ tháng 01/2021 đến tháng 11/2022 là 23 tháng với tổng số tiền là 230.000.000đồng và chưa rút hội. Hàng tháng chị N đưa tiền mặt cho bà T, từ tháng 01/2021 đến tháng 9 năm 2021 bà T có viết giấy nhận tiền hội của chị nhưng từ tháng 10/2021 đến tháng 11 năm 2022 thì bà T không viết giấy vì có tháng chị đưa trực tiếp cho bà T, có tháng chị gửi anh Đặng Văn Q là con trai bà T nhận hộ. Riêng tháng 3/2021 chị N nộp hội chị Đỗ Thị Q địa chỉ: xóm 1, xã H.H (là người cùng chơi hội) số tiền 10.000.000đồng nên bà T ký nhận của chị N là 20.000.000đồng. Hội không họp mặt các thành viên nên chị N chỉ biết có chị Q cùng tham gia hội ngoài ra không biết ai khác. Cuối tháng 12 năm 2022 chị N đã nhiều lần đến nhà yêu cầu bà T phải trả tiền vay và xin rút hội nhưng bà T lẩn tránh, cố tình không trả và bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Hiện nay chị N không biết bà T đang ở đâu, làm gì. Nay chị N yêu cầu Tòa án buộc Bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền vay là 300.000.000đồng (không yêu cầu trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay) và 276.000.000đồng tiền hội, trong đó tiền góp hội là 230.000.000đồng, tiền lãi hội là 46.000.000đồng. Tổng cộng là 576.000.000đồng. Chị N xác định việc vay mượn tiền và việc góp tiền hội là việc giữa chị và bà T, không liên quan đến anh Đặng Văn Q.

Bị đơn là Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã đăng thông tin tìm kiếm Bà Nguyễn Thị T trên các phương tiện thông tin đại chúng như đăng thông tin tìm kiếm trên báo Công lý 3 số liên tiếp là 16, 17, 18 ra các ngày 24/02/2023, 01/3/2023 và 03/3/2023; trên đài VOV AMS của Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông phát VOV2 vào hồi 17 giờ 30 phút các ngày 25, 26, 27 tháng 02 năm 2023 và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án. Ngoài ra,

Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu còn tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật cho Bà Nguyễn Thị T nhưng đến nay bà T không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Thiên N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/02/2023, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q trình bày:

Anh Quân là con đẻ của Bà Nguyễn Thị T. Bà T bỏ nhà đi vào khoảng cuối tháng 12 năm 2022 đến nay không về nhà, hiện nay bà T đang làm ăn sinh sống ở đâu, anh Quân và gia đình không biết, không liên lạc được. Anh Quân đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đối với bà T nhưng do không liên lạc được với bà T nên anh chưa thông báo cho bà T biết. Anh Quân không biết việc bà T vay tiền của chị N, anh thừa nhận có một vài lần chị N đưa tiền góp hội cho anh và nhờ anh chuyển cho bà T cụ thể số lần anh không biết, ngay khi nhận được tiền hội của chị N anh đều đưa lại cho bà T. Khoảng cuối tháng 12/2022 anh thấy chị N nhiều lần đến nhà đòi tiền vay và tiền hội từ bà T. Anh khẳng định việc vay mượn tiền và góp hội là việc giữa chị N và bà T, không liên quan đến anh.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 02 năm 2023, người làm chứng là chị Đỗ Thị Q trình bày:

Chị Q có tham gia hội tiền do Bà Nguyễn Thị T làm chủ. Hội có 30 suất, mỗi suất góp 5.000.000đồng/tháng, chị tham gia 2 suất, mỗi tháng góp là 10.000.000đồng, hội bắt đầu từ ngày 20/01/2021 âm lịch và góp vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, lãi hội là 1.000.000đồng/tháng/suất. Hội không rút theo thứ tự mà ai cần rút thì báo trước để chủ hội thu xếp. Chị biết cùng tham gia hội tiền này có Chị Nguyễn Thị Thiên N, địa chỉ: xóm 8, xã H.H, huyện Hải Hậu, ngoài ra không biết ai khác vì hội không hợp thành viên. Tháng 3 năm 2021 chị có nhờ chị N nộp hộ hội là 10.000.000đồng, còn lại những tháng khác chị chuyển khoản qua số tài khoản của con trai bà T là anh Đặng Văn Q hoặc gửi tiền mặt trực tiếp cho bà T nhưng bà T chưa bao giờ viết giấy nhận tiền hội cho chị. Chị Q được biết bà T đã trốn khỏi nơi cư trú từ tháng 12 năm 2022 đến nay khi chưa thanh toán tiền hội cho một số người trong đó có chị và chị N.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự cơ bản đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Bị đơn là Bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan là anh Đặng Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 471 Bộ luật Dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Thiên N đối với Bà Nguyễn Thị T. Buộc Bà Nguyễn Thị T phải trả Chị Nguyễn Thị Thiên N tổng số tiền 576.000.000đ (năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng), trong đó 300.000.000đồng là tiền vay và 276.000.000đồng là tiền góp hội và tiền lãi hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thiên N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, người làm chứng là chị Đỗ Thị Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hợp đồng vay tiền: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Theo lời trình bày của Chị Nguyễn Thị Thiên N, ngày 06/02/2021 âm lịch chị có cho Bà Nguyễn Thị T vay số tiền 300.000.000đồng để bà T cho người khác vay lại, bà T có viết và ký giấy vay số tiền này, chị N giữ giấy vay tiền, hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay đến tháng 12 năm 2022, lãi suất là 1%/tháng, bà T đã trả lãi cho chị theo thỏa thuận đến tháng 11/2022, đến hạn trả nợ gốc chị N đến nhà yêu cầu bà T trả nợ thì bà T đều lẩn tránh, nay chị N yêu cầu bà T phải trả số tiền 300.000.000đồng cho chị N, không yêu cầu trả lãi.

[2.2] Theo lời khai của anh Đặng Văn Q là con trai của bà T thì anh không biết việc vay mượn tiền giữa bà T và chị N, chỉ biết cuối tháng 12 năm 2022 chị N nhiều lần đến nhà yêu cầu bà T trả tiền, sau đó bà T đã bỏ nhà đi đến nay không về.

[2.3] Chứng cứ mà chị N giao nộp cho Tòa án là giấy vay tiền đề ngày 06/2/2021, nội dung “*Tôi là Nguyễn Thị Thu xóm 5, Hải Hà có vay của cháu Nguyễn Thị Thiên Nga xóm 8, xã H.H số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng chẵn)*” bên vay có chữ viết chữ ký mang tên Nguyễn Thị Thu. Chứng cứ này phù hợp với lời khai của chị N.

[2.4] Sau khi bị chị N yêu cầu trả nợ, bà T bỏ đi khỏi địa phương. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp

lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị N đối với bà T, đăng thông tin tìm kiếm bà T trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà T vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị N.

[2.5] Như vậy, lời khai của nguyên đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ là giấy vay nợ, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc bà T bỏ đi khỏi địa phương sau khi bị chị N yêu cầu trả nợ đã đủ cơ sở khẳng định việc Bà Nguyễn Thị T có vay và còn nợ số tiền 300.000.000đồng của Chị Nguyễn Thị Thiên N là đúng. Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc vay mượn tiền giữa chị N và bà T là rõ ràng, cụ thể, đã thể hiện ý chí, sự thỏa thuận thống nhất của bên vay và bên cho vay do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu bà T phải trả số tiền 300.000.000đồng. Do chị N không yêu cầu trả lãi từ tháng 12/2022 đến nay nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, không buộc bà T phải trả tiền lãi cho chị N.

[3] Về yêu cầu đòi tiền góp hội:

[3.1] Theo lời trình bày của chị N: chị có tham gia hội tiền do bà T làm chủ, hội gồm 30 suất, mỗi suất góp 5.000.000đồng/tháng, góp vào ngày 20 âm lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 20/01/2021, lãi hội là 1.000.000đồng/tháng/suất, hội rút không theo thứ tự mà ai muốn rút thì báo bà T để bà T sắp xếp; chị N tham gia 2 suất, mỗi tháng góp 10.000.000đồng, chị đã góp từ tháng 01/2021 đến tháng 11/2022 là 23 tháng với tổng số tiền là 230.000.000đồng và chưa rút hội, riêng ngày 20/3 góp 20.000.000đồng vì góp hộ chị Đỗ Thị Q là người cùng chơi số tiền 10.000.000đồng; từ ngày 20/01/2021 đến ngày 20/9/2021 bà T đều ghi đã nhận tiền, nhưng những lần góp sau bà T không viết giấy vì có tháng chị N đưa trực tiếp cho bà T, có tháng chị gửi anh Đặng Văn Q là con trai bà T nhận hộ, nay chị N yêu cầu bà T phải trả tiền hội là 276.000.000đồng, trong đó: tiền góp là 230.000.000đồng và 46.000.000đồng tiền lãi hội.

[3.2] Theo lời trình bày của anh Đặng Văn Q là con trai bà T thì anh Quân công nhận có nhận tiền góp hội từ chị N nhờ chuyển cho bà T và anh đã chuyển cho bà T, cụ thể việc góp hội như thế nào thì anh không biết vì anh không tham gia; cuối tháng 12/2022, chị N nhiều lần đến nhà yêu cầu bà T trả tiền vay và tiền góp hội.

[3.3] Theo lời trình bày của chị Đỗ Thị Q thì chị có tham gia hội tiền do bà T làm chủ cùng chị N, về số suất tham gia, mức góp hội, lãi suất hội và ngày đóng hội như chị N trình bày là đúng; chị Q được biết chị N có tham gia 2 suất và cũng chưa rút.

[3.4] Theo chứng cứ mà chị N giao nộp cho Tòa án là giấy nhận tiền hội có ghi nội dung “ngày 20/1/2021 cháu Nga đóng hội của cô Thu, xóm 5 Hải Hà số tiền mỗi tháng 1 suất = 5.000.000đồng x 2 = 10.000.000đồng cô Thu nhận rồi” và các ngày 20/01, 20/2, 20/4, 20/5, 20/6, 20/7, 20/8, 20/9 bà T đã nhận 10.000.000đồng, ngày 20/3 bà T nhận 20.000.000đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T cũng không có văn bản nêu ý kiến về việc chị N yêu cầu bà trả tiền hội.

[3.5] Như vậy lời khai của các đương sự, người làm chứng phù hợp với tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án và việc bà T bỏ đi khỏi địa phương sau khi bị chị N yêu cầu trả nợ và trả tiền góp phưởng đã đủ cơ sở khẳng định: Việc chị N có tham gia hội tiền do bà T làm chủ, chị N đã góp cho bà T số tiền 230.000.000đồng và chưa rút hội là đúng. Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 18 và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biên, hội, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu bà T phải trả số tiền góp hội là 230.000.000đồng;

[3.6] Về tiền lãi hội: Mặc dù không có tài liệu chứng cứ thể hiện lãi suất của hội tiền nhưng nguyên đơn và người làm chứng đều có lời khai thống nhất là hội có lãi, người rút rồi phải trả lãi hội là 1.000.000đồng/tháng/suất, do đó có căn cứ khẳng định hội tiền là có lãi. Hội gồm 30 suất x 5.000.000đ/suất/tháng = 150.000.000đồng/tháng/suất. Nếu tính theo mức lãi suất hội là 1.000.000đồng/tháng/suất tương đương 0,666%/tháng tức 7,992%/năm thì mức lãi suất này trong giới hạn cho phép tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức tiền lãi hội là 1.000.000đồng/tháng/suất. Chị N đã góp 23 tháng, tiền lãi chị N sẽ được nhận là: 23 tháng x 2 suất x 1.000.000đồng = 46.000.000đồng đúng với số tiền lãi hội chị N yêu cầu bà T phải trả.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử thấy: việc Bà Nguyễn Thị T có vay số tiền 300.000.000đồng và đã nhận 230.000.000đồng tiền góp hội của Chị Nguyễn Thị Thiên N là sự thật và hiện nay bà T chưa trả những khoản tiền này cho chị N; anh Đặng Văn Q chỉ là người nhận và chuyển tiền hội giúp chị N và anh đã thực hiện; chị N cũng không khởi kiện yêu cầu anh Quân trả tiền nên xác định anh Quân không phải có trách nhiệm cùng bà T trả tiền chị N. Như vậy, Bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả Chị Nguyễn Thị Thiên N tổng số tiền là 576.000.000đ (năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền vay nợ là 300.000.000đồng, tiền hội là 276.000.000đồng (bao gồm cả gốc và lãi hội) theo quy định tại các Điều 357, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là Bà Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 18, Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, hội.

1.1. Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Thiên N đối với Bà Nguyễn Thị T về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội.

1.2. Buộc Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả Chị Nguyễn Thị Thiên N tổng số tiền là 576.000.000đ (năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền vay là 300.000.000đồng, tiền góp hội là 276.000.000đồng (gồm 230.000.000đồng tiền gốc và 46.000.000đồng tiền lãi).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 13 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

Bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 27.040.000đ (hai mươi bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thiên N được nhận lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006461 ngày 01/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thiên N, bị đơn Bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Văn Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Thị Hằng